

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 33
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33



## **Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 20 ngày 01/06/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thuý Huyền	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Thanh Bình.

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban	
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/05/2023)

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam được lập ngày 15 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

1. Tại thuyết minh số 11 - "Chi phí trả trước dài hạn" Công ty đang theo dõi "Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN" với số tiền là 32.511.250.000 VND. Đây là phần giá trị còn lại của giao dịch Công ty mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) từ năm 2010 với giá trị là 77.022.500.000 VND. Công ty đã xác định tổn thất và ghi nhận vào các Báo cáo tài chính từ năm 2016 trở về trước với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu thích hợp để có thể đánh giá xem phần giá trị còn lại này đã tổn thất hết hay chưa và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.
2. Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản tiền 11.347.160.000 VND mà Công ty đã đặt cọc cho Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010 và các phụ lục có liên quan (Thuyết minh số 8(2)). Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty hay không.
3. Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, đồng thời chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty này trị giá 4.200.500.000 VND.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đính kèm.

**Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**Phạm Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>221.761.035.824</b>	<b>234.911.706.994</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>5.267.251.908</b>	<b>9.501.590.670</b>
111	1. Tiền		927.387.420	1.215.813.275
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.339.864.488	8.285.777.395
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	3.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>33.400.458.811</b>	<b>38.318.917.347</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.955.134.577	3.879.348.947
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.157.880.048	14.087.339.482
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	55.000.000.000	60.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	21.313.000.086	21.377.784.818
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>180.662.710.885</b>	<b>182.191.923.420</b>
141	1. Hàng tồn kho		180.662.710.885	182.191.923.420
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>430.614.220</b>	<b>1.399.275.557</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		200.170.193	1.234.615.495
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	230.444.027	164.660.062
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>270.088.289.870</b>	<b>270.267.124.623</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>28.206.000</b>	<b>38.772.000</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	28.206.000	38.772.000
222	- Nguyên giá		2.525.095.112	2.525.095.112
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.496.889.112)	(2.486.323.112)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>6.437.753.708</b>	<b>6.513.491.708</b>
231	- Nguyên giá		6.765.951.708	6.765.951.708
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(328.198.000)	(252.460.000)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>4.637.796.631</b>	<b>4.634.584.913</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.637.796.631	4.634.584.913
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>226.404.475.854</b>	<b>226.404.475.854</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		9.060.000.000	9.060.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		236.803.080.000	236.803.080.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.200.500.000	6.200.500.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(25.659.104.146)	(25.659.104.146)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>32.580.057.677</b>	<b>32.675.800.148</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	32.580.057.677	32.675.800.148
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>491.849.325.694</b>	<b>505.178.831.617</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023  
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>239.298.503.838</b>	<b>250.693.025.519</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>239.298.503.838</b>	<b>250.693.025.519</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	56.460.375.228	66.620.354.454
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	174.828.455.523	176.444.491.448
314	3. Phải trả người lao động		73.007.472	83.503.802
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.016.214.130	3.621.924.330
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	3.700.000.000	3.700.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		220.451.485	222.751.485
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>252.550.821.856</b>	<b>254.485.806.098</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>252.550.821.856</b>	<b>254.485.806.098</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		59.696.774.500	59.696.774.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(21.118.002.077)	(21.118.002.077)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.897.888.303	23.897.888.303
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.232.251.900	4.232.251.900
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(14.158.090.770)	(12.223.106.528)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		(12.223.106.528)	(24.154.881.906)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(1.934.984.242)	11.931.775.378
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>491.849.325.694</b>	<b>505.178.831.617</b>



**Nguyễn Thị Hoa Vinh**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Thị Hoa Vinh**  
 Kế toán trưởng



**Trần Thị Thanh Bình**  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.109.812.409	1.669.118.049
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.109.812.409	1.669.118.049
11	3. Giá vốn hàng bán	23	2.010.801.907	1.804.105.256
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		99.010.502	(134.987.207)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	225.997.003	16.160.504.281
22	6. Chi phí tài chính	25	-	297.711.721
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	297.711.721
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.127.892.720	3.148.103.414
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(802.885.215)	12.579.701.939
31	9. Thu nhập khác	27	-	9.047.611.186
32	10. Chi phí khác	28	1.132.099.027	5.094.662.397
40	11. Lợi nhuận khác		(1.132.099.027)	3.952.948.789
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.934.984.242)	16.532.650.728
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.934.984.242)	16.532.650.728

**Nguyễn Thị Hoa Vinh**  
 Người lập biểu

**Nguyễn Thị Hoa Vinh**  
 Kế toán trưởng



**Trần Thị Thanh Bình**  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2023	năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		(1.934.984.242)	16.532.650.728
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		86.304.000	402.834.638
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(225.997.003)	(719.703.866)
06	- Chi phí lãi vay		-	297.711.721
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(2.074.677.245)</b>	<b>16.513.493.221</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		887.119.873	53.331.805.345
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.529.212.535	(1.641.149.483)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(11.392.221.681)	(30.525.580.957)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		95.742.471	3.163.954.136
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(294.335.721)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.300.000)	(5.200.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(10.957.124.047)</b>	<b>40.542.986.541</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(3.211.718)	(5.040.288)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	2.823.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.000.000.000)	(1.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		8.500.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		225.997.003	452.196.281
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>6.722.785.285</b>	<b>1.770.155.993</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	400.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(27.882.659.955)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(27.482.659.955)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(4.234.338.762)</b>	<b>14.830.482.579</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>9.501.590.670</b>	<b>5.230.701.390</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	3	<b>5.267.251.908</b>	<b>20.061.183.969</b>

Nguyễn Thị Hoa Vinh  
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa Vinh  
 Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Bình  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 20 ngày 01/06/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn), tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 10 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 11 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Xây lắp

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các Công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Các hoạt động khác.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

Theo công văn số 1028/TB-SGDHN ngày 09/08/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (MCK: PHH) thì Cổ phiếu đang lưu hành của công ty với số lượng 20.000.000 cổ phiếu với giá trị 200.000.000.000 VND chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần (Trong đó: số lượng cổ phiếu lưu hành 18.100.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 1.900.000 cổ phiếu). Đến thời điểm 30/06/2023, cổ phiếu Công ty vẫn bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Trong kỳ, doanh thu của Công ty rất thấp và chủ yếu đến từ hoạt động xây lắp và một phần đến từ hoạt động cho thuê văn phòng, cho thuê nhà. Mảng hoạt động xây lắp Công ty chủ yếu thực hiện ghi nhận theo giá trị quyết toán các công trình. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục chuyển hướng sang hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà và dịch vụ vận hành tại các toà nhà để tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem tại Thuyết minh số 04.

**2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## **2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5 Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng/báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo



- thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.6 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn .

## **2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị khác | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị quản lý       | 03 - 05 năm |

## **2.9 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 45 năm

## **2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## **2.11 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.12 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

*Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:*

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ.

## **2.13 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.14 Vay**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## **2.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.17 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.19 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;



Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.22 Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chủ yếu diễn ra tại khu vực miền Bắc Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	855.346.218	854.983.653
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	72.041.202	360.829.622
Các khoản tương đương tiền	4.339.864.488	8.285.777.395
	<b>5.267.251.908</b>	<b>9.501.590.670</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 2 tháng có giá trị 4.339.864.488 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất từ 3,1%/năm đến 5,5%/năm.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	3.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	-	3.500.000.000	-
	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn kỳ hạn 6 tháng có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín với lãi suất 8,9%năm.

**Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
 Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Từ Hiệp, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>9.060.000.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	9.060.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>236.803.080.000</b>	<b>8.810.895.854</b>	<b>(25.659.104.146)</b>	<b>8.810.895.854</b>
- Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	34.470.000.000	8.810.895.854	(25.659.104.146)	8.810.895.854
- Công ty Cổ phần Từ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	202.333.080.000	-	-	202.333.080.000
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>6.200.500.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	4.200.500.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	-	-	-
	<b>252.063.580.000</b>	<b>8.810.895.854</b>	<b>(25.659.104.146)</b>	<b>8.810.895.854</b>
	<b>252.063.580.000</b>	<b>252.063.580.000</b>	<b>252.063.580.000</b>	<b>(25.659.104.146)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp  
Huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Hà Nội	75,50%	75,50%	Xây lắp

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	Bắc Ninh	33,53%	33,53%	Sản xuất và Kinh doanh các loại gạch trưng áp
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Hà Nội	22,25%	22,25%	Kinh doanh Bất động sản

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	Nghệ An	19,05%	19,05%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	Quảng Ninh	19,96%	19,96%	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

**5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên khác</b>				
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	903.978.486	-	903.978.486	-
Công ty CP Xây dựng FPA	211.121.000	-	231.121.000	-
Công ty CP Xây dựng Thương mại Sơn Giang	336.212.000	-	356.212.000	-
Các đối tượng khác	2.503.823.091	-	2.388.037.461	-
	<b>3.955.134.577</b>	<b>-</b>	<b>3.879.348.947</b>	<b>-</b>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	-	-	<b>516.913.876</b>	-
Công ty CP Sông Đáy	-	-	516.913.876	-
Hồng Hà Dầu Khí	-	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>14.157.880.048</b>	-	<b>13.570.425.606</b>	-
Công ty CP Hancorp	1.780.746.126	-	1.780.746.126	-
Công ty CP Aluking quốc tế	4.565.601.794	-	4.565.601.794	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trung Tín	1.402.228.458	-	1.342.228.458	-
Các đối tượng khác	6.409.303.670	-	5.881.849.228	-
	<b>14.157.880.048</b>	-	<b>14.087.339.482</b>	-

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>(55.000.000.000)</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>(55.000.000.000)</b>
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	(55.000.000.000)	55.000.000.000	(55.000.000.000)
<b>Bên khác</b>	-	-	<b>5.000.000.000</b>	-
Bà Nguyễn Thị Hương	-	-	5.000.000.000	-
	<b>55.000.000.000</b>	<b>(55.000.000.000)</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>(55.000.000.000)</b>

(1) Là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

**8 PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi cho vay	6.025.555.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
Phải thu khác	15.287.444.186	-	15.352.228.918	-
- Lợi nhuận cố định được chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
- Khoản đặt cọc thực hiện hợp đồng	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
- Các khoản phải thu khác	503.354.196	-	568.138.928	-
	<b>21.313.000.086</b>	<b>(6.025.555.900)</b>	<b>21.377.784.818</b>	<b>(6.025.555.900)</b>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>6.025.555.900</b>	<b>(6.025.555.900)</b>	<b>6.025.555.900</b>	<b>(6.025.555.900)</b>
- Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
	-	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>15.287.444.186</b>	<b>-</b>	<b>15.352.228.918</b>	<b>-</b>
- Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
- Công ty TNHH Phong Thịnh (2)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
- Các đối tượng khác	503.354.196	-	568.138.928	-
	<b>21.313.000.086</b>	<b>(6.025.555.900)</b>	<b>21.377.784.818</b>	<b>(6.025.555.900)</b>

(1) Là phần lợi nhuận cố định được chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVCHH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

(2) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010 và Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 22/03/2011 chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng.

**9 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Công ty TNHH Phong Thịnh	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Ông Nguyễn Tất Lạc	32.511.250.000	-	32.511.250.000	-
	<b>104.883.965.900</b>	<b>-</b>	<b>104.883.965.900</b>	<b>-</b>

**10 HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	180.662.710.885	-	182.191.923.420	-
	<b>180.662.710.885</b>	<b>-</b>	<b>182.191.923.420</b>	<b>-</b>

**Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Bệnh viện Việt Đức	180.662.710.885	-	180.626.710.885	-
- Thi công bể bơi CT11 CT12			1.565.212.535	-
	<b>180.662.710.885</b>	<b>-</b>	<b>182.191.923.420</b>	<b>-</b>

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	68.807.677	164.550.148
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
	<b>32.580.057.677</b>	<b>32.675.800.148</b>

(\*) Đây là phần còn lại của khoản thanh toán 77.025.500.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty CP Hồng Hà Việt Nam) và ông Nguyễn Tất Lạc để mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group).

Theo biên bản số 10/2015/BB - HĐQT ngày 25/12/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Hồng Hà Việt Nam thì số tiền này được đánh giá là một khoản tổn thất. Vì vậy, Công ty đã phân bổ một



phần khoản tổn thất này vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015 và 2016 với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Từ năm 2017 đến nay, Công ty đã dừng phân bổ khoản tổn thất này.

## 12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.799.298.182	725.796.930	2.525.095.112
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.799.298.182</b>	<b>725.796.930</b>	<b>2.525.095.112</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.799.298.182	687.024.930	2.486.323.112
- Khấu hao trong kỳ	-	10.566.000	10.566.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.799.298.182</b>	<b>697.590.930</b>	<b>2.496.889.112</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	38.772.000	38.772.000
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>28.206.000</b>	<b>28.206.000</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 2.483.264.385 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 2.440.537.112 VND).

## 13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

### Bất động sản đầu tư cho thuê

	Căn hộ chung cư VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	6.765.951.708	6.765.951.708
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.765.951.708</b>	<b>6.765.951.708</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	252.460.000	252.460.000
- Khấu hao trong kỳ	75.738.000	75.738.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>328.198.000</b>	<b>328.198.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	6.513.491.708	6.513.491.708
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>6.437.753.708</b>	<b>6.437.753.708</b>

Bất động sản đầu tư của Công ty là 3 căn hộ phòng 1601, 1610 và 1702 tại Chung cư CT13, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, có diện tích lần lượt là 109,99 m<sup>2</sup>, 76,97 m<sup>2</sup> và 101,14 m<sup>2</sup>. Nguyên giá lần lượt là 2.374.883.292 VND, 2.036.182.523 VND và 2.354.885.893 VND. Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2023 lần lượt là 115.206.000 VND, 98.774.000 VND và 114.218.000 VND, giá trị còn lại tại 30/06/2023 lần lượt là 2.259.677.292 VND, 1.937.408.523 VND và 2.240.667.893 VND.

Doanh thu phát sinh trong kỳ từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư là 145.090.908 VND (trong đó căn hộ 1601 là 49.090.908 VND, căn hộ 1610 là 42.000.000 VND và căn hộ 1702 là 54.000.000 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị của các tài sản này, Ban Tổng Giám

đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 14 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
- Dự án Cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	4.637.796.631	4.634.584.913
	<b>4.637.796.631</b>	<b>4.634.584.913</b>

Dự án: Cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu

- Chủ đầu tư: Công ty CP Hồng Hà Việt Nam;
- Địa điểm xây dựng: 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng 01 khối chung cư cao 15 tầng;
- Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án: 61 tỷ đồng;
- Tiến độ thực hiện dự án tại ngày 30/06/2023: Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, hiện đang tạm dừng để xin cấp phép thay đổi mục đích sử dụng đất.

#### 15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>8.296.908.204</b>	<b>8.296.908.204</b>	<b>8.296.908.204</b>	<b>8.296.908.204</b>
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	8.296.908.204	8.296.908.204	8.296.908.204	8.296.908.204
<b>Bên khác</b>	<b>48.163.467.024</b>	<b>48.163.467.024</b>	<b>58.323.446.250</b>	<b>58.323.446.250</b>
Công ty CP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	4.893.211.949	4.893.211.949	6.893.211.949	6.893.211.949
Công ty TNHH Kiến trúc Apic	-	-	6.258.650.229	6.258.650.229
Ông Lưu Hoàng Long	6.143.034.753	6.143.034.753	6.182.554.753	6.182.554.753
Các đối tượng khác	37.127.220.322	37.127.220.322	38.989.029.319	38.989.029.319
	<b>56.460.375.228</b>	<b>56.460.375.228</b>	<b>66.620.354.454</b>	<b>66.620.354.454</b>

#### 16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>276.507.494</b>	<b>2.000.000.000</b>
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	276.507.494	2.000.000.000
<b>Bên khác</b>	<b>174.551.948.029</b>	<b>174.444.491.448</b>
Bệnh viện Việt Đức (i)	174.245.119.000	174.245.119.000
Các đối tượng khác	306.829.029	199.372.448
	<b>174.828.455.523</b>	<b>176.444.491.448</b>

(i) Khoản trả trước theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVĐ-01 ngày 24/02/2015. (Xem thêm Thuyết minh 10).

**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	139.440.000	-	122.857.589	129.928.539	-	146.510.950	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.422.408	-	-	-	-	13.422.408	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.797.654	-	26.124.110	-	84.837.125	70.510.669	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.289.711	6.289.711	-	-	-
	<b>164.660.062</b>	-	<b>155.271.410</b>	<b>136.218.250</b>	<b>84.837.125</b>	<b>230.444.027</b>	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	832.263.936	823.206.592
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.622.283	200.622.283
Cổ tức lợi nhuận phải trả	671.181.000	671.181.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.312.146.911	1.926.914.455
- Chi phí lãi vay	147.269.000	147.269.000
- Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	800.101.357	540.179.478
- Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	664.796.000	664.796.000
- Các đối tượng khác	699.980.554	574.669.977
	<u><b>4.016.214.130</b></u>	<u><b>3.621.924.330</b></u>
<b>b) Trong đó: Bên liên quan</b>		
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	664.796.000	664.796.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	800.101.357	540.179.478
	<u><b>1.464.897.357</b></u>	<u><b>1.204.975.478</b></u>

**19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	3.700.000.000	3.700.000.000	-	-	3.700.000.000	3.700.000.000
	<b>3.700.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.700.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả:

Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2023	01/01/2023
Vay ngắn hạn	VND	0,00%	4 năm	2023	Phục vụ thi công công trình CT11 Khu Đô thị mới Từ Hiệp	Tin chấp	3.700.000.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội						3.700.000.000	3.700.000.000
(1)						<b>3.700.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>

**Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty con	3.700.000.000	4.704.000	3.700.000.000	4.704.000
	<b>3.700.000.000</b>	<b>4.704.000</b>	<b>3.700.000.000</b>	<b>4.704.000</b>

Vay ngắn hạn  
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội

**Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Từ Hiệp, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**20 VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND		VND		VND		VND		Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	VND	VND	
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(24.154.881.906)	242.554.030.720	242.554.030.720	
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	16.532.650.728	16.532.650.728	16.532.650.728	
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<u>200.000.000.000</u>	<u>59.696.774.500</u>	<u>(21.118.002.077)</u>	<u>23.897.888.303</u>	<u>4.232.251.900</u>	<u>(7.622.231.178)</u>	<u>259.086.681.448</u>	<u>259.086.681.448</u>	
<b>Số dư đầu kỳ nay</b>	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.897.888.303	4.232.251.900	(12.223.106.528)	254.485.806.098	254.485.806.098	
Lỗ trong kỳ nay	-	-	-	-	-	(1.934.984.242)	(1.934.984.242)	(1.934.984.242)	
<b>Số dư cuối kỳ nay</b>	<u>200.000.000.000</u>	<u>59.696.774.500</u>	<u>(21.118.002.077)</u>	<u>23.897.888.303</u>	<u>4.232.251.900</u>	<u>(14.158.090.770)</u>	<u>252.550.821.856</u>	<u>252.550.821.856</u>	

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	35.756.000.000	17,88	35.756.000.000	17,88
Ông Nguyễn Tuấn Anh	28.717.600.000	14,36	28.711.600.000	14,36
Bà Trương Mỹ Hạnh	25.114.960.000	12,56	25.114.960.000	12,56
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	24.867.700.000	12,43	24.867.700.000	12,43
Vốn góp tương đương cổ phiếu quỹ	1.900.000.000	0,95	1.900.000.000	0,95
Các cổ đông khác	83.643.740.000	41,82	83.649.740.000	41,82
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	671.181.000	671.181.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	671.181.000	671.181.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.900.000	1.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.100.000	18.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

**f) Các quỹ của công ty**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	23.897.888.303
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	4.232.251.900
	<b>28.130.140.203</b>	<b>28.130.140.203</b>



**21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê văn phòng tại địa chỉ Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội để làm văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01A/2021/HĐ-THHDK-HHVN ngày 02/01/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 15/03/2022 với Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí. Theo hợp đồng nêu trên Công ty phải trả tiền thuê hàng kỳ là 75.000.000 VND/tháng.

**Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty cho các cá nhân thuê 03 căn hộ số 1601, 1610 và 1702 tại Toà nhà CT13, Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội có diện tích lần lượt là 101 m<sup>2</sup>; 76,1 m<sup>2</sup> và 109,78 m<sup>2</sup> với đơn giá cho thuê lần lượt là 8.181.818 VND/ tháng, 7.000.000 VND/ tháng và 9.000.000 VND/tháng. Các hợp đồng cho thuê có thời hạn 12 tháng.

**22 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	1.678.499.169	(71.290.909)
Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản	431.313.240	1.740.408.958
	<b>2.109.812.409</b>	<b>1.669.118.049</b>

**23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.648.841.575	-
Giá vốn dịch vụ cho thuê tài sản	361.960.332	1.804.105.256
	<b>2.010.801.907</b>	<b>1.804.105.256</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	286.222.332	437.168.869

**24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	225.997.003	352.196.281
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	100.000.000
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	15.708.308.000
	<b>225.997.003</b>	<b>16.160.504.281</b>

**25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	297.711.721
	<b>-</b>	<b>297.711.721</b>

**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	723.362.392	1.627.334.900
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	95.742.471	111.644.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.566.000	98.754.782
Thuế, phí và lệ phí	3.077.993	3.077.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	295.143.864	1.307.291.658
	<b>1.127.892.720</b>	<b>3.148.103.414</b>
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	46.777.668	115.777.668

**27 THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	267.507.585
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ xây dựng, văn phòng	-	8.033.276.601
Thu nhập khác	-	746.827.000
	<b>-</b>	<b>9.047.611.186</b>

**28 CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị mất, thanh lý	-	4.613.942.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	228.341.856
Các khoản bị phạt	1.132.099.027	-
Các khoản khác	-	252.378.455
	<b>1.132.099.027</b>	<b>5.094.662.397</b>

**29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.934.984.242)	16.532.650.728
Các khoản điều chỉnh tăng	1.132.099.027	228.341.856
- <i>Chi phí không được trừ</i>	1.132.099.027	228.341.856
Thu nhập chịu thuế TNDN	(802.885.215)	16.760.992.584
Chuyển lỗ từ năm trước	-	(16.760.992.584)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(13.422.408)	(13.422.408)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(13.422.408)</b>	<b>(13.422.408)</b>

**30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	752.582.392	3.481.051.861
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	95.742.471	111.644.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.304.000	174.492.782
Thuế, phí và lệ phí	3.077.993	3.077.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	671.775.236	4.792.345.402
	<b>1.609.482.092</b>	<b>8.562.612.119</b>

**31 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### 32 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>333.000.000</b>	<b>552.946.537</b>
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	333.000.000	402.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	-	150.946.537

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương, các khoản thu nhập khác của Tổng giám đốc như sau:

	<b>Chức vụ</b>	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thủy Huyền	Chủ tịch HĐQT	26.000.000	30.000.000
Ông Lê Vinh Việt	Phó Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm ngày 12/05/2022 kiêm Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 15/02/2022	-	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên HĐQT	26.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	96.545.550	70.500.000
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/08/2022)	-	84.225.000
Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/05/2022)	-	120.871.000
Ông Cao Tiến Lam Giang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/03/2022)	-	28.261.000
Ông Đỗ Quang Thuận	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)	-	8.000.000
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	12.000.000	4.000.000
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)	-	8.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 18/05/2023)	2.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên BKS (Từ nhiệm ngày 13/07/2022)	-	12.000.000
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	10.000.000	4.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**33 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



**Nguyễn Thị Hoa Vinh**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Hoa Vinh**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Thanh Bình**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

